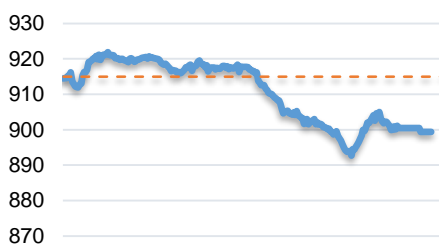


Diễn biến thị trường trong phiên

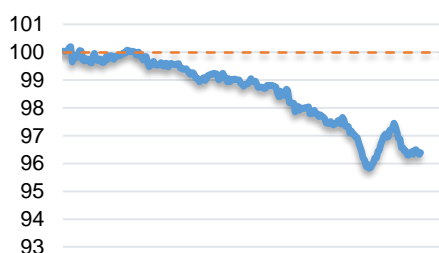
Rating	VNI	HNXI	UPCoM
Điểm	899.4	96.4	49.3
% ngày	-1.70	-3.60	-1.51
% tuần	-6.05	-9.96	-4.64
% tháng	-12.06	-18.44	-8.12
% năm	15.56	-5.43	-13.89
GTGD (Triệu đồng)			
Trong ngày	2,914.25	401.37	146.62
Hôm qua	3,887.18	802.28	164.81
TB 1 tháng	3,464.18	543.81	150.58
Khối ngoại (Tỷ đồng)			
Mua	505.24	22.21	73.99
Bán	737.85	4.97	80.26
Giá trị ròng	(232.61)	17.24	(6.27)
Độ rộng TT			
Mã Tăng	69	56	58
Mã Giảm	217	106	86
Không Đổi	67	222	590
Chỉ số chính			
P/E	17x	10.2x	9.9x
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,905	192	831
LS Cổ tức	2.43	3.21	4.26

Nguồn: Bloomberg – Yuanta Retail Research

VNINDEX



HNX INDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Chỉ số VN-Index từ đầu tuần đóng cửa ở mức 947.15 điểm, đã giảm 5% so với thời điểm hiện tại với mức 899.4 điểm với mức thanh khoản thấp trong tất cả các phiên. Thị trường Việt Nam mặc dù đã có nhiều thông tin tích cực từ các chỉ số vĩ mô nhưng vẫn bị ảnh hưởng từ động thái của nhà đầu tư nước ngoài. Khối ngoại tiếp tục bán ròng hơn 240 tỷ đồng trên cả 3 sàn.

Thị trường có sự hồi phục vào cuối phiên tuy nhiên lực bán cuối phiên khiến cho chỉ số VN-Index mất mốc 900 điểm và đóng cửa tại mức 899.4 giảm 1.7% và chỉ số HNX-Index (96.4 điểm) và Upcom-Index (49.3 điểm) cũng tương tự có một phiên giảm điểm với mức giảm lần lượt là 3.6% và 1.5%. Đáng chú ý, bộ đôi cổ phiếu VHM và VIC tiếp tục đóng vai trò nâng đỡ thị trường chung, tuy nhiên, áp lực từ nhiều cổ phiếu trụ cột khác là quá lớn nên bộ đôi này không đủ sức vực dậy thị trường chung.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng và dầu khí đã có những diễn biến rất tiêu cực và dẫn dắt thị trường đi xuống. Ở nhóm ngân hàng, các cổ phiếu như ACB, MBB, BID, CTG, VCB... đều giảm rất mạnh. Ở nhóm cổ phiếu dầu khí, GAS giảm sàn, PVS và PVC cũng đều giảm trên 4%. Ngoài ra, rất nhiều cổ phiếu vốn hóa lớn như VRE, VNM, VJC, VCS, SAB, PLX... đều chìm trong sắc đỏ.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Chúng tôi cho rằng thị trường có thể sẽ tiếp tục giảm điểm và biến động mạnh trong phiên kế tiếp. Đồng thời, đồ thị giá vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tiêu cực và rủi ro ngắn hạn vẫn còn ở mức cao. Tuy nhiên, nhiều khả năng thị trường có thể sẽ bước vào giai đoạn giảm co và biến động hẹp sau một phiên giảm điểm mạnh kế tiếp. Ngoài ra, tỷ trọng cổ phiếu tiếp tục giảm mạnh cho thấy thị trường vẫn chưa có cơ hội để giải ngân mới.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số và hạ mức kháng cự của hệ thống xuống mức 949.90 điểm của chỉ số VN-Index và 105.15 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn có thể tiếp tục đứng ngoài và ưu tiên hạ tỷ trọng cổ phiếu về mức thấp, đặc biệt là đưa tỷ lệ đòn bẩy về mức khuyến nghị. Đồng thời, các nhà đầu tư ngắn hạn chưa nên mở vị thế mua mới ở giai đoạn hiện tại.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 10% cổ phiếu/90% tiền mặt.



We Create Fortune

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	915.0	997.0	895.0	830.0
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	102.5	121.0	96.5	92.0



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	17.50	GIẢM	GIẢM		19.81				22.42		
ACB	29.90	GIẢM	GIẢM		35.16				46.17		
BFC	24.70	GIẢM	GIẢM		27.29				31.94		
BHN	81.10	GIẢM	GIẢM		102.39				132.78		
BID	21.60	GIẢM	GIẢM		25.47				36.70		
BMP	59.50	GIẢM	GIẢM		60.85				63.44		
BSR	17.80	GIẢM	TĂNG		19.44						
BVH	70.20	GIẢM	GIẢM		80.25				105.65		
BWE	16.35	GIẢM	GIẢM		17.30				21.09		
CEO	11.60	GIẢM	GIẢM		13.41				17.99		
CHP	22.80	TĂNG	GIẢM	24.65	22.63	-7.51%			23.35		
CSM	12.75	GIẢM	GIẢM		14.70			14.80	12.77	-13.75%	
CTD	134.50	GIẢM	TĂNG		152.26			155.00	128.22	-13.23%	
CTG	20.50	GIẢM	GIẢM		23.77				32.81		
CTI	28.50	GIẢM	GIẢM		29.34				34.33		
CVT	22.80	GIẢM	GIẢM		26.55				33.98		
DGW	21.50	GIẢM	GIẢM		24.97			16.40	24.79	51.14%	
DHA	25.40	GIẢM	GIẢM	28.70	26.39	-8.04%	BÁN		30.63		
DHC	40.00	GIẢM	GIẢM		43.76				46.93		
DHG	105.20	GIẢM	TĂNG		106.25			115.00	96.90	-8.52%	
DPG	50.80	GIẢM	GIẢM		53.98				62.82		
DPM	16.55	GIẢM	GIẢM		17.49				18.72		
DPR	38.30	GIẢM	GIẢM		39.94				42.17		
DQC	30.00	GIẢM	GIẢM		33.01				37.41		
DRC	22.20	GIẢM	GIẢM		24.43				23.95		
DXG	23.20	GIẢM	GIẢM		27.41			33.75	26.32	-22.02%	
ELC	9.45	GIẢM	GIẢM		10.42				12.46		
FCN	15.40	GIẢM	TĂNG		17.45			17.70	13.53	-12.99%	
FIT	4.05	GIẢM	GIẢM		4.50				6.28		
FMC	19.25	GIẢM	GIẢM		21.25				24.44		
FPT	39.50	GIẢM	GIẢM		42.44				52.83		
GAS	74.00	GIẢM	GIẢM		90.62				116.61		
GIL	39.50	GIẢM	GIẢM		41.99			34.90	40.00	14.62%	
GMD	23.55	GIẢM	GIẢM		25.35				29.31		
GTN	8.48	GIẢM	GIẢM		9.22				11.53		
HAG	4.99	TĂNG	GIẢM	5.01	4.76	-0.40%			5.68		
HAX	16.30	GIẢM	GIẢM		17.02				18.67		
HBC	21.00	GIẢM	GIẢM		23.73			25.90	21.52	-16.91%	



We Create Fortune

HDB	32.80	GIẢM	GIẢM		37.64			44.56		
HNG	10.55	TĂNG	TĂNG	8.36	9.61	26.20%		8.20	7.24	28.66%
HPG	36.10	GIẢM	GIẢM		39.98			43.80	36.64	-16.34%
HSG	10.05	GIẢM	GIẢM		11.75				13.72	
HT1	10.60	GIẢM	GIẢM		11.64				14.31	
HUT	5.00	GIẢM	GIẢM		5.95				7.82	
HVN	33.40	TĂNG	GIẢM	33.10	32.59	0.91%			47.23	
ITD	11.70	GIẢM	TĂNG		12.88			12.40	11.14	-5.65%
KBC	11.30	GIẢM	GIẢM		12.08				14.33	
KDH	29.50	GIẢM	GIẢM		31.50				37.45	
KSB	33.00	GIẢM	GIẢM		36.09				40.92	
LCG	9.39	GIẢM	GIẢM		9.61				9.54	
LIX	40.00	GIẢM	GIẢM		43.27				46.98	
LPB	11.20	GIẢM	GIẢM		12.26				17.46	
LSS	7.20	GIẢM	GIẢM		8.06				9.60	
MSN	73.90	GIẢM	GIẢM		79.55				98.60	
MWG	101.70	GIẢM	GIẢM		111.87			121.00	104.78	-13.40%
NKG	13.40	GIẢM	GIẢM		16.11				18.17	
NLG	28.30	GIẢM	GIẢM		29.68				31.83	
NT2	29.40	TĂNG	GIẢM	29.80	28.46	-1.34%			31.66	
NTL	9.40	GIẢM	TĂNG		9.97			10.45	8.94	-10.05%
NTP	41.00	GIẢM	GIẢM		47.17				58.36	
PAC	38.50	TĂNG	GIẢM	42.50	38.23	-9.41%			42.18	
PC1	31.50	TĂNG	GIẢM	32.30	30.68	-2.48%			34.50	
PDR	26.05	GIẢM	GIẢM		29.78				33.68	
PGC	14.55	TĂNG	GIẢM	14.35	13.90	1.39%			15.72	
PHR	18.60	GIẢM	GIẢM		20.59				26.99	
PLC	15.80	GIẢM	GIẢM		16.94				19.51	
PLX	52.80	GIẢM	GIẢM		60.13				71.25	
PNJ	81.30	GIẢM	GIẢM		89.12				126.50	
POW	13.10	GIẢM	TĂNG		13.98					
PPC	17.00	GIẢM	GIẢM		17.93				19.39	
PTB	54.80	GIẢM	GIẢM		59.80				68.67	
PVD	12.70	GIẢM	GIẢM		14.25				17.99	
PVI	28.00	GIẢM	GIẢM		29.82				34.16	
PVS	15.20	GIẢM	GIẢM		17.87				22.02	
PXS	4.80	GIẢM	GIẢM		5.09				7.11	
RAL	98.70	GIẢM	GIẢM		106.53				122.54	
REE	30.30	GIẢM	GIẢM		31.64				37.12	
SAB	220.00	GIẢM	TĂNG		233.59			252.40	207.41	-12.84%
SAM	6.83	GIẢM	GIẢM		7.12				8.11	
SBV	28.00	GIẢM	GIẢM		29.08				31.14	
SCR	8.00	GIẢM	GIẢM		8.79				11.17	



We Create Fortune

SHI	6.70	TĂNG	TĂNG	7.00	6.38	-4.29%		6.99	5.88	-4.15%	
SJS	16.70	GIẢM	GIẢM		21.37				25.43		
SKG	18.10	GIẢM	GIẢM		20.11			20.60	19.70	-4.35%	
SSI	26.85	GIẢM	GIẢM		29.51				37.51		
STB	9.72	GIẢM	GIẢM		11.36				13.83		
SVC	42.00	GIẢM	GIẢM		47.21				51.89		
TCM	16.75	GIẢM	GIẢM		19.76				22.70		
TDH	13.50	GIẢM	GIẢM		14.40				15.83		
TLH	8.09	GIẢM	GIẢM		8.88				9.85		
TMT	6.83	GIẢM	GIẢM		7.44				10.56		
TNG	9.90	GIẢM	GIẢM		10.75				12.06		
TYA	11.00	GIẢM	GIẢM		12.00				14.12		
VCB	52.00	GIẢM	GIẢM	54.10	54.88	1.45%	BÁN		64.41		
VFG	38.60	GIẢM	TĂNG		40.26			44.69	32.19	-13.62%	
VGC	18.50	GIẢM	GIẢM		23.13				26.55		
VIB	26.80	GIẢM	GIẢM		29.56				34.84		
VIC	106.50	GIẢM	GIẢM		110.19				109.53		
VIP	6.75	GIẢM	GIẢM		7.13			6.71	6.82	1.52%	
VJC	129.50	GIẢM	GIẢM		142.24				154.12		
VKC	6.10	GIẢM	TĂNG		6.47			6.80	5.68	-10.29%	
VNM	165.00	GIẢM	GIẢM		176.28				184.77		
VPB	25.20	GIẢM	GIẢM		28.96				33.19		
VRC	16.00	GIẢM	GIẢM		17.17				19.26		
VRE	37.65	GIẢM	GIẢM		41.08				51.30		
VSC	32.00	GIẢM	TĂNG		36.60			35.30	29.50	-9.35%	
VSH	17.00	GIẢM	TĂNG		17.39			17.40	16.36	-2.30%	



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	899.40	(1.70)
VN30	883.77	(1.90)
VN Mid	882.76	(2.32)
VN Small	779.45	(1.40)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	505.24	
Bán	737.85	
GT ròng	(232.61)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
NVT	380	7.0%
DHG	5,300	5.3%
TCB	1,150	4.3%
VHM	3,200	2.9%
VCI	2,100	2.8%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PDR	(1,950)	-7.0%
TCM	(1,250)	-6.9%
CVT	(1,700)	-6.9%
DGW	(1,600)	-6.9%
GAS	(5,500)	-6.9%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTDG >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	339,908	
VHM	305,476	
VNM	239,456	
VCB	187,084	
GAS	141,632	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
FLC	6.99	6.47
DXG	6.72	3.97
HAG	6.09	4.99
STB	5.66	4.77
CTG	5.58	5.12

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	96.39	(3.60)
HN30	172.71	(3.89)
VNX AllSh	1,250.42	(2.06)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	22.21	
Bán	4.97	
GT ròng	17.24	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DNP	5,723	35.2%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
VGC	(2,000)	-9.8%
L14	(3,000)	-8.3%
ACB	(2,100)	-6.6%
MBS	(900)	-5.8%
SHS	(700)	-5.7%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	32,426	
VCS	13,440	
SHB	8,542	
VGC	8,294	
VCG	7,023	

KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
SHB	5.78	7.23
ACB	4.95	4.72
VGC	4.18	2.55
PVS	2.79	3.99
HUT	2.43	1.45

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	49.25	(1.51)

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	73.99	
Bán	80.26	
GT ròng	(6.27)	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
KDF	3,900	12.0%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
GVR	(1,200)	-13.2%
VGT	(800)	-8.1%
DVN	(1,100)	-7.9%
VIB	(1,300)	-5.3%
MSR	(1,000)	-5.3%

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	185,709	
BSR	49,608	
MCH	46,894	
HVN	36,667	
GVR	31,600	

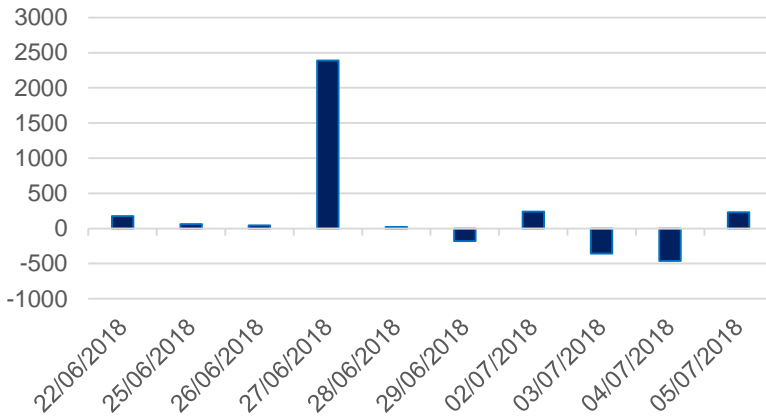
KLGD nhiều nhất	Giá trị (triệu)	TB 30 ngày
BSR	1.87	1.09
LPB	1.42	1.48
ART	1.29	0.22
POW	0.80	1.13
OIL	0.71	0.73

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research



We Create Fortune

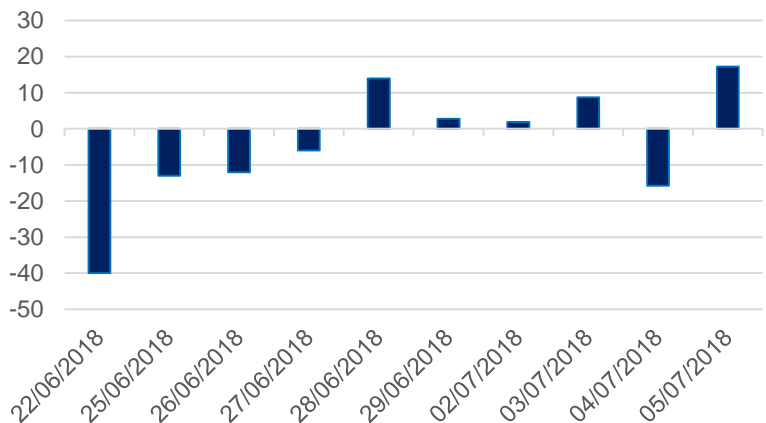
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
HDB	20,948	VHM	(94,921)
VCB	20,935	VIC	(85,979)
DHG	20,578	MSN	(49,392)
SSI	13,660	CTD	(32,370)
PLX	10,231	VNM	(29,877)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

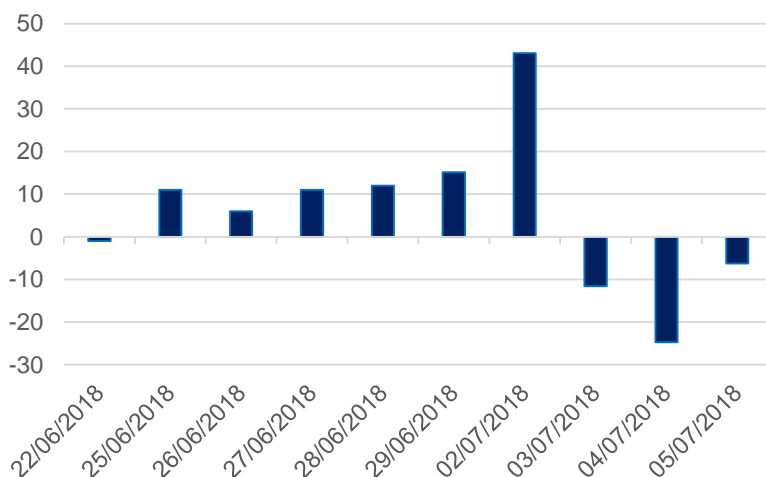
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VCG	14,493	PVS	(1,656)
VGC	4,587	MAS	(491)
TNG	126	VCS	(320)
BVS	118	KVC	(218)
SHS	106	HDA	(78)

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại Upcom



Mã CK	Giá trị mua ròng (triệu VNĐ)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (triệu VNĐ)
VEA	8,216	KDF	(14,680)
SCS	5,795	BSR	(6,603)
POW	3,378	VGT	(3,288)
ACV	969	OIL	(916)
HVN	745	GVR	(702)

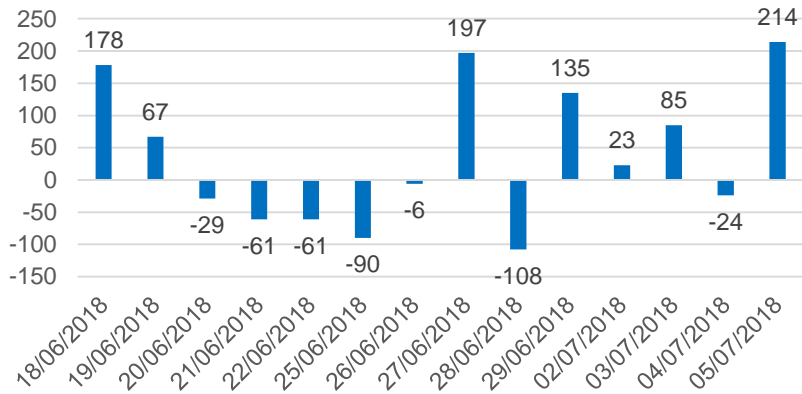
TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)

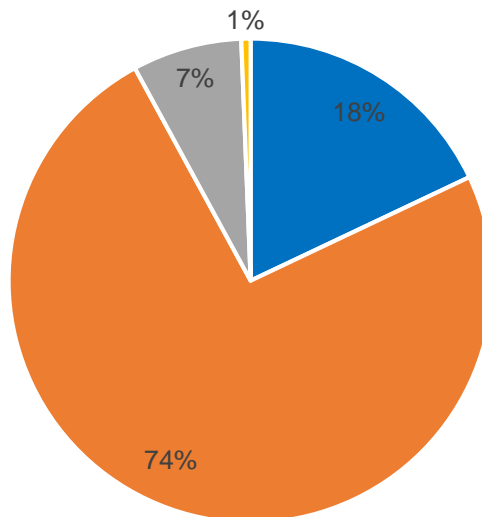


Mã CK	Giá trị đặt mua (triệu VND)	Mã CK	Giá trị đặt bán (triệu VND)
KBC	179,642	VCB	14,618
YEG	29,243	HPG	10,418
CTD	27,136	KBC	9,886
HPG	19,594	VIC	7,725
VIC	7,238	CTG	7,640

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Cơ cấu nhà đầu tư trên sàn HSX



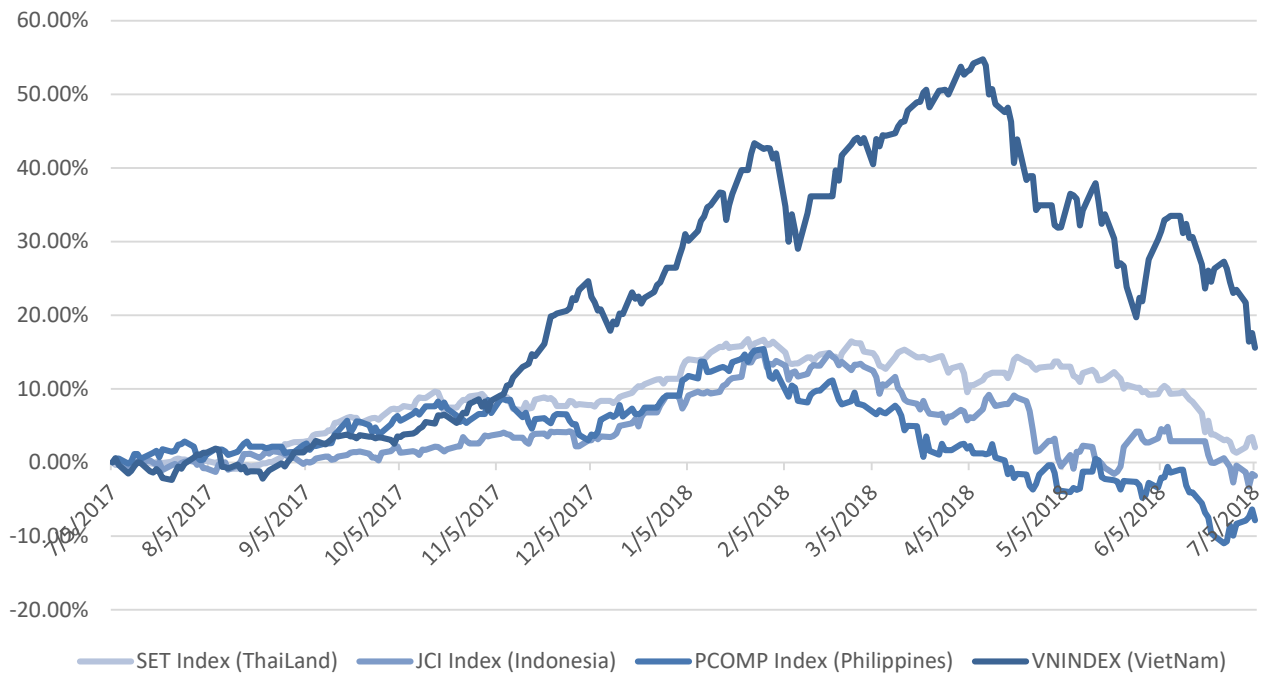
■ Tổ chức nước ngoài ■ Cá nhân trong nước ■ Tổ chức trong nước ■ Cá nhân nước ngoài

Nguồn: FiinPro – Yuanta Retail Research



We Create Fortune

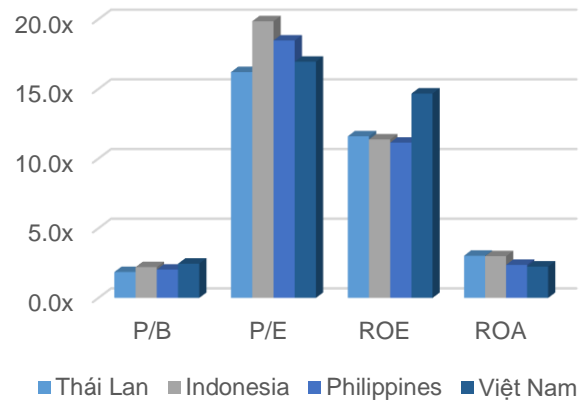
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.9x	2.2x	2.0x	2.5x
P/E		16.2x	19.9x	18.5x	17.0x
ROE	%	11.60	11.37	11.14	14.67
ROA	%	3.03	2.99	2.37	2.25
Vốn hóa	Tỷ USD	493.47	448.80	171.32	126.08
GTGD	Triệu USD	1.55	0.38	0.07	0.13
LS cổ tức	%	3.20	2.39	1.74	2.43

Nguồn: Bloomberg & Yuanta Research





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuantan.com

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khanh.quach@yuantan.com

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuantan.com

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuantan.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuantan.com.vn

Phù Vĩnh Quế

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868

que.phu@yuantan.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuantan.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuantan.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868

phong.bui@yuantan.com.vn



We Create **Fortune**

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or any form or manner, without the express written